

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NẬM PỒ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 411 /BC-UBND

Nậm Pồ, ngày 13 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO

Đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020 huyện Nậm Pồ (So với Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 15/01/2016 của HĐND huyện)

Căn cứ vào Quy chế làm việc của UBND huyện, nhiệm kỳ 2016-2020, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020 huyện Nậm Pồ cụ thể như sau:

I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Đảng, Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách ưu tiên phát triển kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội, tạo điều kiện cho các tỉnh miền núi khó khăn, trong đó có huyện Nậm Pồ. Tỉnh ủy, HĐND, UBND, các sở, ban, ngành của tỉnh quan tâm lãnh đạo, đầu tư để huyện có điều kiện từng bước ổn định, phát triển.

HĐND huyện đoàn kết, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo phát huy sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, phòng, ban, MTTQ, đoàn thể các cấp và Nhân dân các dân tộc đẩy mạnh sản xuất, xóa đói giảm nghèo; đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn huyện.

2. Khó khăn

Khó khăn vốn có của huyện miền núi, biên giới, nhất là về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém, kinh tế chủ yếu là tự cung, tự cấp, chậm phát triển. Tỷ lệ hộ nghèo cao; trình độ dân trí không đồng đều, còn nhiều hủ tục lạc hậu, chậm được khắc phục, chuyển biến; hiểu biết pháp luật hạn chế. Hệ thống chính trị ở cơ sở có nơi còn yếu; trình độ chuyên môn, năng lực thực tiễn của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ.

Tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện còn tiềm ẩn nhân tố phức tạp, như: Hoạt động tuyên truyền lập vương quốc Mông", lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo tuyên truyền đạo trái pháp luật, di cư tự do, xuất cảnh trái phép; buôn bán, tàng trữ, sử dụng các chất ma túy...

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Tuy gặp phải nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của cấp ủy, chính quyền các cấp và Nhân dân các dân tộc trong huyện, đa số các mục tiêu Nghị quyết của HĐND huyện về phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020 đạt kết quả cao.

1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất giai đoạn 2016-2018 (theo giá hiện hành) tăng 10,78%/năm, đạt so với Nghị quyết (8-10%/năm); trong đó: Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản tăng bình quân 9,68%/năm, đạt so với Nghị quyết (8-10%/năm); công nghiệp - xây dựng tăng bình quân 12,6%/năm, vượt mục tiêu so với Nghị quyết (6-8%/năm); dịch vụ tăng bình quân 11,3%/năm, đạt so với Nghị quyết (10-12%/năm).

Cơ cấu giá trị sản xuất các ngành ước năm 2018: Tỷ trọng khu vực Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản chiếm 50,48%, giảm 3,72% so với năm 2015 (Nghị quyết đề ra đến năm 2020 là 50%); công nghiệp - Xây dựng chiếm 24,18%, tăng 2,38% so với năm 2015 (Nghị quyết đề ra đến năm 2020 là 26,5%); dịch vụ chiếm 25,35%, tăng 1,25% so với năm 2015 (Nghị quyết đề ra đến năm 2020 là 23,5%). Cơ cấu các ngành kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng phát triển các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trong sản xuất Nông - Lâm nghiệp đã tăng nhanh sản lượng lương thực và chăn nuôi, trong công nghiệp tăng nhanh sản lượng khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng, các loại hình dịch vụ đều gia tăng giá trị kinh doanh dịch vụ, phục vụ nhu cầu của huyện mới.

1.1. Sản xuất Nông nghiệp - Lâm nghiệp - Thủy sản

Huyện đã tập trung chỉ đạo, rà soát, đánh giá hiện trạng, xây dựng quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản; tập trung lãnh đạo chương trình giảm nghèo bền vững và chương trình xây dựng nông thôn mới. Phát triển thủy lợi, chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, tích cực khai hoang, thâm canh, mở rộng diện tích đất trồng lúa nước, giảm dần diện tích lúa nương. Tổng sản lượng lương thực có hạt năm 2018 ước đạt 19.005,45 tấn, tăng 1.622,44 tấn so với năm 2016, đạt 95,4% so với Nghị quyết; lương thực bình quân đầu người đạt 363,27 kg/người/năm, tăng 8,47 kg/người/năm so với năm 2016, đạt 97,13% so với Nghị quyết; an ninh lương thực được đảm bảo.

Công tác quản lý, bảo vệ rừng khá tốt. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2018 ước đạt 39,55%, đạt 105,47% so với Nghị quyết.

Chăn nuôi ổn định và phát triển; chủ động phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Quy mô đàn gia súc ước đạt 67.939 con, tăng 8.811 con so với 2016, tốc độ tăng bình quân 7,45%/năm, đạt 186,25% so với Nghị quyết; gia súc khác ước đạt 5.716 con; gia cầm ước đạt 151.989 con, tăng 24.797 con so với 2016, tốc độ tăng bình quân 9,75%/năm. Quy mô nuôi trồng thủy sản không lớn nhưng đảm bảo cung cấp cho nhu cầu trong huyện; diện tích nuôi trồng thủy sản tăng từ 98,3 ha năm 2016 lên khoảng 120,55 ha năm 2018, đạt 117% so với Nghị quyết.

1.2. Các chính sách hỗ trợ sản xuất

- *Chương trình 135*: Được giao 12.016 triệu đồng để Hỗ trợ PTXS, phân bổ cho các xã để tổ chức thực hiện Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBKK, xã biên giới; các thôn, bản ĐBKK. Đã giải ngân được 9.513 triệu đồng, đạt 79% dự toán giao.

- *Chương trình 30^a*: Được giao là 29.237 triệu đồng, đã tiến hành phân bổ cho các xã để tổ chức thực hiện Hỗ trợ PTSX, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã ĐBK, xã biên giới; các thôn, bản ĐBK. Đã giải ngân được 21.186 triệu đồng, đạt 72,5% dự toán giao.

- *Chương trình QĐ 755*: Được giao 7.392 triệu đồng, phân bổ cho các xã thực hiện các dự án nước sinh hoạt tập trung, hỗ trợ mua sắm máy móc, nông cụ sản xuất chuyển đổi nghề, hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán. Đã giải ngân được 5.851 triệu đồng, đạt 79% dự toán giao.

- *Xây dựng nông thôn mới*: Được giao 28.556 triệu đồng, phân bổ cho các xã phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu nông thôn mới. Chương trình xây dựng nông thôn mới đã được sự đồng thuận, ủng hộ cao của Nhân dân và có sức lan tỏa trong toàn huyện nên đạt được nhiều kết quả tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn ngày càng được cải thiện. Toàn huyện có xã Chà Nưa đạt 19/19 tiêu chí đang làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018; Chà Cang đạt 9 tiêu chí; xã Si Pa Phìn đạt 8 tiêu chí; Nậm Nhừ, Nậm Chua, Vàng Đán đạt 7 tiêu chí; Nà Khoa, Chà Tở, Na Cô Sa, Nà Hỳ đạt 6 tiêu chí và các xã còn lại đạt 5 tiêu chí.

Các chính sách hỗ trợ sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo triển khai trong thời gian qua đã và đang phát huy được hiệu quả. Nhiều mô hình phát triển kinh tế, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, máy móc nông cụ sản xuất đã góp phần thiết thực xóa đói, giảm nghèo cho người dân, nhằm tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng lên.

1.3. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - Thương mại và dịch vụ

Tăng cường công tác quản lý và khuyến khích các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trong giai đoạn 2016-2018 huyện đã có 02 cơ sở sản xuất gạch không nung tại xã Nà Hỳ, Chà Nưa huyện Nậm Pồ, đã dần xóa bỏ được các lò gạch đất nung bằng thủ công. Vận động bảo tồn, phát triển các ngành, nghề truyền thống của địa phương như: rèn, mây tre đan,... thành lập mới 03 HTX: Hợp tác xã nông lâm nghiệp và dịch vụ Na Cô Sa, Hợp tác xã Mây tre đan tại xã Chà Cang và Hợp tác xã nuôi ong rừng xã Chà Nưa. Giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng (*theo giá hiện hành*) năm 2018 ước đạt 191,54 tỷ đồng, tăng 40 tỷ đồng so với năm 2016.

Mạng lưới thương mại ngày càng được phát triển và mở rộng trên toàn huyện, các cơ sở sản xuất kinh doanh, các thương nhân đã chủ động được các nguồn hàng, mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân, mạng lưới Chợ xã dần được phát triển, huyện đã có 02 Chợ xã đạt tiêu chuẩn và 01 chợ tạm tại trung tâm huyện. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ năm 2018 ước đạt 200,79 tỷ đồng (*theo giá hiện hành*), tăng 38,7 tỷ đồng so với năm 2016.

1.4. Hoạt động tài chính, tiền tệ và huy động vốn đầu tư phát triển

Quản lý và điều hành ngân sách đúng quy định, tiết kiệm và hiệu quả; rà soát các nguồn thu tại địa bàn chống thất thu; đảm bảo các nhu cầu chi của các đơn vị theo quy định. Quản lý tốt các nguồn vốn, nguồn hỗ trợ và các chính sách an sinh xã hội; tăng cường kiểm tra không để xảy ra tiêu cực, lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hỗ trợ khác.

Tổng thu ngân sách Nhà nước năm 2018 ước đạt 539,933 tỷ đồng, tăng 94,09 tỷ đồng so với năm 2016; Trong đó: Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện năm 2018 ước đạt 6,41 tỷ đồng, tăng 1,41 tỷ đồng so với năm 2016, bình quân 5,6 tỷ đồng/năm, đạt 122,4% so với Nghị quyết.

Triển khai thực hiện cho vay 10 chương trình tín dụng chính sách với dư nợ đạt 252,786 tỷ đồng, 7.684 hộ còn dư nợ (trong đó có 01 hộ vay vốn đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, với dư nợ là 100 triệu đồng); các hộ đã sử dụng vốn vay đúng mục đích và có hiệu quả góp phần vào việc xóa đói, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

Tổng mức đầu tư toàn xã hội hết năm 2018 ước đạt 1.925 tỷ đồng, đạt 55% so với Nghị quyết; các nguồn vốn được phân bổ và thực hiện đúng quy định của nhà nước, ưu tiên giải quyết những bức xúc nhất ở địa bàn dân cư.

1.5. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và thực hiện kế hoạch đầu tư công

a) *Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng*: Được huyện coi là một trong những khâu đột phá quan trọng nhất. Huyện đã tập trung nguồn lực đầu tư những công trình cấp thiết nhất, từ năm 2016 đến nay đã tạo nên sự chuyển biến nhanh chóng về hạ tầng ở các xã và trung tâm huyện; trong đó tập trung đảm bảo giao thông thông suốt, kéo điện về bản, đầu tư mới và sửa chữa các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt, xây dựng mới các trụ sở xã. Tích cực đôn đốc các công trình do các ngành tỉnh làm chủ đầu tư. Đến nay đã có 12/15 xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được quanh năm, đạt 80% so với nghị quyết; 78,1% người dân được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, đạt 91,88% so với Nghị quyết; có 97/132 bản thuộc 15/15 xã có điện lưới quốc gia, nâng tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia lên 72,8%, đạt 76,6% so với Nghị quyết, cơ sở vật chất ngành giáo dục được ưu tiên đầu tư, hỗ trợ tạo diện mạo hoàn toàn mới góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của huyện. Huyện đã quản lý tốt các nguồn vốn được giao đảm bảo hiệu quả như: Nguồn vốn xây dựng nông thôn mới, chương trình 135, Nghị quyết 30a...

b) *Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020*:

* *Kết quả đạt được*

- Tổng số dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 do huyện quản lý là 92 dự án với tổng mức đầu tư là 533.402 triệu đồng, Trong đó:

+ Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững 30a giai đoạn 2016-2020 được đầu tư là 14 dự án với tổng mức đầu tư là 133.147 triệu đồng, tổng kinh phí đã bố trí giai đoạn 2016-2018 là 62.153 triệu đồng (bao gồm 7.434,6 triệu đồng vốn hỗ trợ sản xuất tạo việc làm tăng thu nhập). Trong đó: Bố trí vốn cho 7 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2013-2015 sang là 18.620 triệu đồng; bố trí 36.098 triệu đồng cho 07 dự án đầu tư trong giai đoạn với tổng mức đầu tư 73.245 triệu đồng. Đến 31/10/2018 có 07 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng; 02 dự án đang thi công; còn lại 05 dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư dự kiến khởi công mới giai đoạn 2019-2020.

+ Chương trình 135 giai đoạn 2016-2020 được giao thực hiện 33 dự án với tổng mức đầu tư là 65.111 triệu đồng, tổng kinh phí trong giai đoạn 2016-2018 đã bố trí là 43.185 triệu đồng. Trong đó bố trí 9.560 triệu đồng thanh toán nợ đọng; bố trí 33.625 triệu đồng cho 13 dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2018 với tổng mức đầu tư là 38.000 triệu đồng. Đến 31/10/2018 có 05 dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; 08 dự án đang triển khai thi công xây dựng; 20 dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến khởi công mới giai đoạn 2019-2020.

+ Chương trình mục tiêu Quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 được giao 36 dự án với tổng mức đầu tư là 127.939 triệu đồng, tổng kinh phí đã được giao là 51.330 triệu đồng. Bố trí 13.757 triệu đồng thanh toán nợ đọng cho các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2016-2020; thực hiện đầu tư 13 dự án với tổng mức đầu tư là 44.426 triệu đồng, số vốn đã bố trí cho 13 dự án là 37.573 triệu đồng. Còn lại 23 dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, dự kiến khởi công mới giai đoạn 2019-2020

+ Nguồn vốn TPCP giai đoạn 2016-2018 được giao thực hiện 21 dự án với tổng mức đầu tư là 111.525 triệu đồng, tổng kinh phí được bố trí cho 21 dự án thuộc giai đoạn là 100.531 triệu đồng. Đến 31/10/2018 có 06 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng; 15 dự án đang trong quá trình triển khai thi công xây dựng.

+ Nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 được giao thực hiện 02 dự án với tổng mức đầu tư là 180.000 triệu đồng. Đến 31/10/2018 có 01 dự án được bố trí vốn năm 2018 là 17.000 triệu đồng để thực hiện, còn lại 01 dự án đang thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2019-2020.

+ Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 được giao 07 dự án với tổng mức đầu tư là 95.500 triệu đồng. Tổng số kinh phí được phân bổ giai đoạn 2016-2018 là 13.945 triệu đồng thực hiện phân bổ cho 07 dự án. Đến 31/10/2018 có 4 dự án đang tiến hành thi công xây dựng, còn lại 03 dự án đang thực hiện thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2019-2020.

+ Nguồn vốn đề án 79 giai đoạn 2016-2018 được giao 10 dự án với tổng mức đầu tư là 42.500 triệu đồng, kế hoạch vốn được phân bổ là 41.228 triệu đồng phân bổ cho 10 dự án. Đến 31/10/2018 có 10/10 dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

** Hiệu quả đầu tư:*

- Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2018 bước đầu mang lại một số hiệu quả trong quá trình phát triển kết cấu hạ tầng huyện Nậm Pồ, trong đó

có 200 Phòng học được xây mới, 187 km đường giao thông được mở mới và cứng hóa; 28km kênh mương được kiên cố hóa đảm bảo cung cấp nước tưới cho 75ha lúa từ 1 đến 2 vụ; xây mới 04 công trình nước sinh hoạt cung cấp nước cho nhân dân; 04 trụ sở xã và 10 nhà văn hóa xã, bản... được đầu tư xây dựng. Trong giai đoạn, UBND huyện Nậm Pồ đã tận dụng tối đa các nguồn vốn được huy động để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của huyện phấn đấu đưa các xã hoàn thành cơ bản các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, cơ cấu đầu tư các ngành giáo dục và đào tạo, lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật chiếm tỷ trọng lớn, hiệu quả đầu tư nền kinh tế bước đầu tăng lên, việc sử dụng vốn đầu tư xã hội nói chung và đầu tư công nói riêng được cải thiện...

Tuy nhiên, giai đoạn 2016 - 2018 là giai đoạn đầu thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn, hệ thống văn bản quy định pháp luật về đầu tư công còn chồng chéo và phức tạp, một số văn bản ban hành mang tính xử lý tình huống gây chậm trễ trong quá trình triển khai, trong khi đó Nậm Pồ là huyện khó khăn mới thành lập, nhu cầu đầu tư của huyện là rất lớn mà nguồn vốn đầu tư công lại hạn hẹp, quá trình triển khai thực hiện hàng năm liên tục phải điều chỉnh, cắt giảm kế hoạch vốn nên ảnh hưởng đến mục tiêu và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội các ngành, các lĩnh vực mà huyện đã đề ra.

Mặt khác diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp đối với khu vực miền núi đặc biệt khó khăn, gây ảnh hưởng đến quá trình phát triển kết cấu hạ tầng. Một số dự án được đầu tư trong giai đoạn hoàn thành chưa phát huy hiệu quả đã bị thiên tai phá hủy gây thất thoát lớn nguồn lực đầu tư, chưa mang lại hiệu quả. Bên cạnh đó còn có yếu tố chủ quan như năng lực quản lý dự án của các Chủ đầu tư còn yếu kém, quá trình lập chủ trương dự án đầu tư chưa sát với thực tiễn, hiệu quả đầu tư thấp mà suất đầu tư lại quá cao, quá trình thực hiện dự án vẫn tồn tại những sai phạm cơ bản (như sai quy trình đầu tư, tính toán và nghiệm thu sai khối lượng thực tế) gây thất thoát lãng phí nguồn vốn đầu tư; quá trình đầu tư chưa liên tục nên hiệu quả đầu tư vẫn còn hạn chế.

2. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.1. Xóa đói giảm nghèo, đào tạo nghề và thực hiện các chính sách an sinh xã hội

Tập trung các nguồn lực để thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững thông qua việc lồng ghép các nguồn vốn, thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo. Tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện giảm từ 67,97% năm 2016 xuống còn 63,39% năm 2017, ước giảm xuống còn 59% cuối năm 2018, đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra giảm 4%/năm. Đào tạo nghề hàng năm đạt 340 lao động/năm, đạt 68% so với Nghị quyết, tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 18,41%, đạt 47,17% so với Nghị quyết; tạo việc làm mới cho trên 450 lao động/năm, đạt 100% so với Nghị quyết.

Thực hiện tốt chính sách đối với người có công, các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, trợ giúp xã hội, cấp thẻ bảo hiểm y tế; tổ chức thăm hỏi, động viên, chi trả chế độ kịp thời, đúng quy định cho các đối tượng chính sách.

2.2. Giáo dục - Đào tạo

Quy mô, mạng lưới trường, lớp từ năm 2016 là 37 trường đến nay số trường được nâng lên 40 trường và đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch được giao. Chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, việc duy trì sỹ số, đảm bảo tính chuyên cần ngày càng tăng; số trường đạt chuẩn quốc gia tăng từ 15 trường lên 20 trường, đạt 83,3% so với Nghị quyết.

Công tác phổ cập giáo dục được duy trì và giữ vững đảm bảo theo đúng kế hoạch được giao; duy trì được các tiêu chí đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2, đạt 100% so với Nghị quyết và 11/15 xã đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3, 12/15 xã đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2; 9/15 xã đạt chuẩn XMC mức độ 2, đạt 64,3% so với Nghị quyết.

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đảm bảo về cơ cấu, cơ sở vật chất tăng cường được đầu tư cơ bản đáp ứng quá trình dạy và học. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho học sinh và giáo viên, giải quyết kịp thời những khiếu nại tố cáo của người dân. Công tác xã hội hóa giáo dục đã thu được nhiều kết quả, đặc biệt là công tác xã hội hóa trong việc xây dựng cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch đẹp, thân thiện.

2.3. Về Y tế, Dân số, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Mạng lưới y tế cơ sở, trang thiết bị y tế được ưu tiên đầu tư, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân; chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, đã triển khai tích cực các mục tiêu y tế quốc gia trên địa bàn. Toàn huyện có 37 Bác sỹ, đạt tỷ lệ 6,8 Bác sỹ/vạn dân. Ước năm 2018 có 7 xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia về Y tế xã, đạt 66,67% so với Nghị quyết.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được chỉ đạo, triển khai đạt chỉ tiêu kế hoạch giao, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 1,03%, đạt 46,5% so với Nghị quyết, quy mô dân số ước năm 2018 đạt 52.317 người, đạt 96,88% so với Nghị quyết.

Cai nghiện ma túy được tập trung chỉ đạo, năm 2018 tổ chức cai nghiện ma túy cho 85 người/năm, đạt 106,25% so với Nghị quyết. Triển khai tốt các hoạt động truyền thông thay đổi hành vi trong phòng, chống HIV/AIDS.

2.4. Hoạt động Văn hóa, Thông tin - Phát thanh và Truyền hình

Lĩnh vực văn hóa có nhiều chuyển biến tích cực; các hoạt động văn hóa, thể thao cơ sở được tổ chức đạt hiệu quả thiết thực. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” phát triển sâu rộng. Bản sắc văn hóa dân tộc được phát huy, mức hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật của Nhân dân từng bước được nâng lên. Ước năm 2018 có 38/132 bản, đạt 28,79% bản được công nhận đạt chuẩn văn hóa, đạt 61,26% so với Nghị quyết; 77/105 cơ quan, đơn vị, đạt 73% số cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa, đạt 83,9% so với Nghị quyết; 3.885/9.642 hộ gia đình, đạt 40% hộ gia đình trên địa bàn được công nhận gia đình văn hóa, đạt 80% so với Nghị quyết;

25/132 bản có nơi sinh hoạt cộng đồng, đạt 59,5% so với Nghị quyết; 09/15 xã có Nhà văn hóa, đạt 60% so với Nghị quyết.

Hoạt động Truyền thanh - Truyền hình đã tăng thời lượng và chất lượng, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị và đời sống Nhân dân. Toàn huyện có 03 trạm phát lại Truyền thanh - Truyền hình (Nà Hỳ, Chà Cang, Si Pa Phìn) đã bám sát dòng thời sự chủ lưu, phát sóng ổn định 19 giờ/ngày các chương trình VTV1, VTV2, VTV3 và Chương trình truyền hình ĐTV của Đài PT-TH tỉnh. Đến nay có 10/15 xã có Đài truyền thanh FM không dây; ước năm 2018 tỷ lệ hộ gia đình được nghe đài tiếng nói Việt Nam, đài phát thanh địa phương đạt 70,6% và đạt 83,06% so với Nghị quyết; có 72,9% hộ gia đình xem được Đài truyền hình địa phương, đạt 104,1% so với Nghị quyết.

Mạng lưới dịch vụ viễn thông được quan tâm mở rộng, đến nay toàn huyện có 113/132 bản có sóng điện thoại di động, 71 bản có sóng 3G; 15/15 xã được kết nối internet, trong đó 14/15 xã được kết nối internet băng thông rộng.

2.5. Về Khoa học và công nghệ - Tài nguyên và Môi trường

Khoa học công nghệ của huyện đã tập trung công tác điều tra, nghiên cứu cơ bản phục vụ xây dựng các quy hoạch, đề án giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới, quy hoạch sử dụng đất, phát triển sản xuất và ổn định dân cư, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nghiên cứu các yếu tố khí hậu, thổ nhưỡng phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển sản xuất hàng hóa; điều tra hiện trạng, diễn biến môi trường sinh thái, điều tra lũ quét, sạt lở đất; đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến giáo dục ứng dụng khoa học tiến bộ mới vào sản xuất, kinh doanh, xử lý đảm bảo môi trường; thực hiện việc đánh giá công tác nghiên cứu khoa học trên các lĩnh vực.

Xây dựng duy trì cải tiến quản lý chất lượng ISO 9001:2008 tại các cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện. Xây dựng quản lý chất lượng ISO 9001:2015 tại 6 xã trên địa bàn huyện.

Đã chấn chỉnh một bước và tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai, môi trường, tài nguyên khoáng sản; chỉ đạo thực hiện tốt công tác giao đất, thu hồi đất, lập và phê duyệt các phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của Nhân dân về bảo vệ môi trường, bảo vệ và phát triển rừng, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.6. Công tác đào tạo

Đến nay số cán bộ lãnh đạo quản lý từ trường, phó phòng trở lên tại các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện: có trình độ đại học trở lên là 93,02%, đạt 93,02% so với Nghị quyết; được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý Nhà nước trở lên là 97,67%, đạt 97,67% so với Nghị quyết.

Cán bộ công chức cấp xã: Đến nay có 97,67% có trình độ văn hóa từ trung học cơ sở trở lên, đạt 97,67% so với Nghị quyết, trong đó 57,84% có trình độ văn hóa THPT, đạt 82,6% so với Nghị quyết; 85,76% có trình độ trung cấp chuyên

môn trở lên, đạt 107,2% so với Nghị quyết, trong đó 22,97% có trình độ đại học, đạt 76,57% so với Nghị quyết; 36,92% được đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị, đạt 41% so với Nghị quyết.

2.7. Công tác Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực dân tộc, đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện tốt đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Triển khai đầy đủ và có hiệu quả các chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước tới đồng bào các dân tộc; cơ sở hạ tầng từng bước được đáp ứng phục vụ phát triển sản xuất và đời sống, đã giúp các hộ nghèo nỗ lực vươn lên xóa đói, giảm nghèo, tăng thu nhập, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số.

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, thường xuyên nắm bắt thông tin, hoạt động của các điểm nhóm tôn giáo trên địa bàn huyện; hướng lái các điểm nhóm hoạt động tôn giáo đúng theo quy định; đã đăng ký hoạt động 14 điểm nhóm đăng ký hoạt động, triển khai Luật Tín ngưỡng tôn giáo trên địa bàn.

3. Hoạt động Nội chính, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền

3.1. Hoạt động Nội chính

Phối hợp với cơ quan Tư pháp để đảm bảo thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ về thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, nâng cao chất lượng điều tra, truy tố, xét xử, thi hành kịp thời các vụ án, vụ việc, đảm bảo đúng pháp luật, không để xảy ra oan sai, bỏ lọt tội phạm.

Chỉ đạo Thanh tra làm tốt công tác thanh tra kinh tế - xã hội theo kế hoạch, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm; chấn chỉnh các hoạt động thu, chi tài chính của các xã, việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư xây dựng trên địa bàn. Tiếp nhận và giải quyết dứt điểm các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, không để tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp.

Triển khai thực hiện tốt công tác tư pháp trên địa bàn; đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; công tác hòa giải cơ sở; các hoạt động tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý cho Nhân dân. Triển khai thực hiện tốt công tác tư pháp trên địa bàn, trong đó tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm như: Hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp, phổ biến giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở, trợ giúp pháp lý, kiểm soát thủ tục hành chính (trong thời gian từ năm 2016 đến cuối năm 2017), thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

3.2. Cải cách hành chính, xây dựng Chính quyền

Chỉ đạo thực hiện thành công cuộc bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021, hệ thống chính trị các cấp đã cơ bản đã được kiện toàn đủ về số lượng, với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu trẻ, năng động, nhiệt huyết trình độ chuyên môn nghiệp vụ ngày một nâng cao để đáp ứng điều kiện tiêu chuẩn trong tình hình mới.

Triển khai đồng bộ các nhiệm vụ về cải cách hành chính trên địa bàn huyện, từng bước nâng cao hiệu quả phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước, đến

thời điểm hiện nay 7/15 xã đã có bộ phận một cửa hiện đại cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ người dân, tổ chức. Chấp lượng cán bộ, công chức có chuyển biến tích cực, các nhiệm vụ về cải cách thể chế, thủ tục hành chính, tài chính công, hiện đại hóa nền hành chính đảm bảo kế hoạch đề ra.

Thực hiện tốt công tác tổ chức, bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kỷ cương, kỷ luật hành chính, chân chính lễ lởi làm việc, kiểm điểm, xử lý kỷ luật nghiêm những sai phạm xảy ra trên địa bàn. Kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động. Đã ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức về chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước và bồi dưỡng hàng năm để nâng cao chất lượng, từng bước chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Các phong trào thi đua được tổ chức rộng khắp và được tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá, biểu dương, khen thưởng kịp thời các điểm hình tiên tiến góp phần khơi dậy tinh thần hăng hái thi đua lao động, sản xuất của Nhân dân.

4. Quốc phòng, An ninh và đối ngoại

4.1. Quốc phòng

Tập trung xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân vững mạnh. Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, kịp thời xây dựng bổ sung Quyết tâm A và các kế hoạch tác chiến phòng thủ; tích cực luyện tập các phương án sẵn sàng chiến đấu. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng nắm chắc tình hình nội, ngoại biên, kịp thời xử lý có hiệu quả các tình huống ngay từ cơ sở; giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới, khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn.

Công tác tuyển quân, huấn luyện đạt 100% chỉ tiêu hàng năm, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội. Xây dựng lực lượng DQTV và DBĐV theo quy định, chất lượng được nâng lên. Hoàn thành tốt kế hoạch giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho cán bộ các cấp đạt 100% chỉ tiêu, góp phần nâng cao nhận thức về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

4.2. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội

Các cấp chính quyền đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, trong đó đã phát huy tốt vai trò nòng cốt của lực lượng Công an trong thực hiện nhiệm vụ. Chủ động phối hợp nắm chắc tình hình, quản lý chặt chẽ hoạt động của các loại đối tượng; thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ an ninh chính trị nội bộ, an ninh tư tưởng, văn hóa thông tin, an ninh kinh tế. Chủ động đấu tranh phòng chống các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, trong nội bộ. Đấu tranh có hiệu quả với hoạt động tuyên truyền lập “Nhà nước mông”; hoạt động lợi dụng tự do tín ngưỡng, tôn giáo, tuyên truyền đạo trái pháp luật, xuất, nhập cảnh trái phép, giải quyết hiệu quả dân di cư tự do, tranh chấp, mâu thuẫn, khiếu kiện trong Nhân dân ngay từ cơ sở.

Thực hiện có hiệu quả các chương trình quốc gia phòng chống tội phạm; tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước về an ninh trật tự; làm tốt công tác phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với tội phạm có tổ chức, ma túy, mua bán người, kinh tế, tội phạm tham nhũng, lãng phí và các hành vi vi phạm pháp luật khác; 100% các vụ án được khám phá, không để oan sai; bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu chính trị, kinh tế, sự kiện và hoạt động kỷ niệm các ngày lễ lớn. Thực hiện tốt Đề án của UBND tỉnh về nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của công an xã và công an viên.

4.3. Hoạt động Đối ngoại

Tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác với các địa phương giáp biên giới của nước bạn Lào. Tổ chức thành công hội đàm giữa huyện Nậm Pồ với 03 huyện Mường Mây, Phong Sa Lý, Săm Phăn thuộc tỉnh Phong Sa Lý (nước CHDCND Lào). Các lực lượng vũ trang, các xã, bản biên giới của hai bên tăng cường phối hợp tuần tra kiểm soát đường biên mốc giới, tuyên truyền luật biên giới, quản lý mốc giới, trao đổi thông tin; hợp tác quản lý dân cư biên giới; duy trì và mở rộng hoạt động thương mại biên giới, cùng nhau giải quyết tốt những vấn đề phát sinh trên khu vực biên giới.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại và hạn chế

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chưa vững chắc, tốc độ tăng trưởng kinh tế còn thấp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, nhất là hệ thống đường giao thông, trường lớp học, cơ sở y tế, đường điện; quản lý việc khai thác vật liệu xây dựng còn chưa chặt chẽ. Các thành phần kinh tế trên địa bàn huyện chưa phát triển, các doanh nghiệp trên địa bàn còn ít, năng lực quản lý, tài chính còn hạn chế. Kinh tế hợp tác xã, kinh tế trang trại, kinh tế tư nhân chưa phát triển.

Năm 2016 còn để xảy ra những sai phạm trong việc triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình 755. Các sai phạm trên đã được xem xét xử lý trách nhiệm đến từng tập thể, cá nhân.

Một số chỉ tiêu còn đạt thấp: Xây dựng nông thôn mới; tỷ lệ lao động được đào tạo; cán bộ công chức cấp xã có trình độ trung cấp lý luận chính trị.

Tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo cao, thu nhập bình quân và mức sống của Nhân dân trong huyện còn thấp, đời sống đồng bào dân tộc còn rất nhiều khó khăn.

Chất lượng giáo dục không đồng đều; tỷ lệ huy động trẻ đến lớp đúng độ tuổi chưa bền vững.

Cơ sở vật chất, thiết chế văn hóa, thể thao Truyền thanh - Truyền hình còn nghèo nàn; công tác xã hội hóa các lĩnh vực văn hóa, xã hội còn khó khăn; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc của Nhân dân còn hạn chế.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn có việc, có nơi còn diễn biến phức tạp, như: Khai thác lâm sản trái phép, chăn thả gia súc qua

biên giới, mua bán vận chuyển các chất ma túy; hoạt động tuyên truyền thành lập “Nhà nước Mông”; tuyên truyền đạo trái pháp luật; di dịch cư tự do, xuất cảnh trái phép), tranh chấp trong Nhân dân còn tiềm ẩn phức tạp.

2. Nguyên nhân

2.1. Khách quan

Những khó khăn vốn có của huyện miền núi, biên giới, địa bàn rộng, hiểm trở, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém và chưa đồng bộ, hạn chế khả năng thu hút đầu tư phát triển; trình độ dân trí và hiểu biết pháp luật còn thấp, tỷ lệ đói nghèo còn cao, còn tiềm ẩn nhiều nhân tố phức tạp.

Tỷ lệ hộ nghèo giảm thấp do nguyên nhân tách hộ và một bộ phận hộ nghèo vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước chưa muốn thoát nghèo (do hộ nghèo được hưởng nhiều chính sách hỗ trợ).

Kinh tế đất nước còn khó khăn đã ảnh hưởng tới phân bổ các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng tới phát triển sản xuất, kinh doanh, đời sống Nhân dân và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án.

2.2. Chủ quan

Năng lực và kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị còn hạn chế, có việc chưa quyết liệt, nhất là việc triển khai chương trình xây dựng nông thôn mới còn lúng túng; lãnh đạo về phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh có lúc, có việc chưa kịp thời, chưa toàn diện.

Xuất phát điểm xây dựng nông thôn mới các xã biên giới trên địa bàn huyện thấp, cơ sở từng bước được đầu tư nhưng chưa đồng bộ; nhu cầu đầu tư ở các xã biên giới lớn, trong khi nguồn lực chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước, đóng góp của người dân vào thực hiện Chương trình chưa nhiều.

Công tác dự báo của một số cơ quan, UBND cấp xã chưa sát với tình hình thực tế như dự báo dân số, số lao động trong độ tuổi thấp so với thực tế, ảnh hưởng đến thực hiện chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

Tại thời điểm 2015, cán bộ công chức cấp xã chưa qua đào tạo số lượng còn nhiều, trong những năm qua huyện đã quan tâm, bồi dưỡng đưa vào kế hoạch hàng năm cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng vẫn chưa đáp ứng nhu cầu đào tạo, bên cạnh đó số lao động qua đào tạo nghề hàng năm chưa đạt được mục tiêu do Trung tâm dạy nghề chưa được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề; tỉnh chưa bổ sung đủ biên chế giáo viên dạy nghề cho Trung tâm nên việc đăng ký nghề và tổ chức dạy nghề, liên kết đào tạo nghề còn gặp rất nhiều khó khăn, hạn chế.

Còn có một số cán bộ lãnh đạo, công chức tinh thần trách nhiệm chưa cao, chưa thực sự tâm huyết; phong cách lãnh đạo, chỉ đạo điều hành chưa quyết liệt, chưa sâu sát dẫn tới hiệu quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ còn hạn chế.

Năng lực phương pháp tuyên truyền chậm đổi mới chưa phù hợp nên một bộ phận nhân dân chưa nắm bắt kịp thời chủ trương của Đảng, chính sách, pháp

luật của Nhà nước. Phong tục tập quán sản xuất của nông dân còn lạc hậu; còn có một bộ phận trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước, nhất là các hộ nghèo chưa có ý thức vươn lên để thoát nghèo.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2020

1. Mục tiêu

(1) Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất 8-10%/năm; trong đó: Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản tăng 8-10%/năm; công nghiệp - xây dựng tăng 10-12%/năm; dịch vụ tăng 10-12%/năm. Cơ cấu trong giá trị sản xuất các ngành năm 2020 đạt: Nông - lâm nghiệp - thủy sản 49,26%; công nghiệp - xây dựng 26,5%; thương mại - dịch vụ 24,24%.

(2) Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 19.926,4 tấn; trong đó lúa ruộng 10.950 tấn; lúa nương 7.114,4 tấn. Lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 374,2kg/người/năm. Tốc độ phát triển đàn gia súc bình quân trên 7%/năm; diện tích nuôi trồng thủy sản 135 ha.

(3) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 40%.

(4) Thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 trên 7 tỷ đồng; tổng mức đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt khoảng 3.500 tỷ đồng.

(5) Phân đấu đến năm 2020 có thêm 02 xã đạt chuẩn Nông thôn mới là Chà Cang và Si Pa Phìn; không có xã nào dưới 7 tiêu chí.

(6) Thực hiện tốt các chính sách người có công và xã hội; mỗi năm đào tạo nghề cho trên 500 lao động/năm nâng tỷ lệ đào tạo lên 43,2% vào năm 2020, tạo việc làm mới khoảng 450 lao động/năm; cai nghiện ma túy cho khoảng 80 người/năm.

(7) Đến năm 2020 có 62,5% số trường đạt chuẩn quốc gia; huyện đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 2 đạt 93,3%; duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2.

(8) Đến năm 2020 có 70% số xã đạt Bộ tiêu chí Quốc gia Y tế xã. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên bình quân 2,3%/năm, quy mô dân số đến năm 2020 khoảng 54.570 người.

(9) Năm 2020 có trên 50% gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa; 47% số bản đạt tiêu chuẩn bản văn hóa; 87% số cơ quan đơn vị đạt tiêu chuẩn cơ quan, đơn vị văn hóa; có 73% dân số được xem truyền hình, 85% dân số được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam.

(10) Tỷ lệ hộ nghèo còn khoảng 50%.

(11) 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi lại được quanh năm, có điện lưới quốc gia, có cáp quang, đường truyền internet đến trung tâm xã; trên 95% số hộ được dùng điện; 85% cán bộ, Nhân dân được cung cấp và sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

(12) Giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới Quốc gia; đảm bảo quốc phòng - an ninh, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc; kiểm chế đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội; duy trì phát triển công tác đối ngoại.

(13) Cán bộ lãnh đạo, quản lý từ trường, phó phòng trở lên: 100% có trình độ đại học trở lên; 100% được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý Nhà nước. Cán bộ, công chức cấp xã: 100% có trình độ văn hóa từ trung học cơ sở trở lên, trong đó 70% có trình độ văn hóa THPT; 90% có trình độ trung cấp chuyên môn, trong đó 45% có trình độ đại học; 90% được đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị.

2. Nhiệm vụ và giải pháp đến năm 2020

2.1. Duy trì tốc độ và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; đẩy mạnh khai thác hợp lý tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành kinh tế

a. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, đảm bảo an ninh lương thực; chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, khai hoang tăng diện tích ruộng nước, tăng cường khuyến nông, ứng dụng khoa học kỹ thuật, thâm canh, thú y, bảo vệ thực vật; nâng cao năng suất, giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích, gắn việc sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Phát triển cây công nghiệp ngắn ngày như đậu tương, lạc...trên diện tích lúa 01 vụ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân; phát triển thí điểm một số cây trồng khác như: cây Mắc ca, các loại cây lâm nghiệp phù hợp; Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt 19.926,4 tấn; trong đó lúa ruộng 10.950 tấn; lúa nương 7.114,4 tấn. Lương thực có hạt bình quân đầu người đạt 374,2 kg/người/năm.

Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trong đó chú trọng khoanh nuôi tái sinh, giao rừng bổ sung, trồng rừng sản xuất, trồng cây dược liệu, rừng phòng hộ và bảo vệ rừng. Nâng hiệu quả kinh tế rừng giúp tăng thu nhập cho người dân từ dịch vụ môi trường rừng.

Rà soát, xây dựng quy hoạch, kế hoạch chăn nuôi Trâu, Bò thịt theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững phù hợp với điều kiện thực tế của từng vùng; đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, chăn nuôi chẵn dất, có chuồng trại, hạn chế tối đa tình trạng gia súc thả rông, tránh mâu thuẫn giữa chăn nuôi với trồng trọt, phát triển trồng cỏ tạo nguồn thức ăn dồi dào cho gia súc, coi phát triển mạnh đàn gia súc là một hướng đột phá trong sản xuất nông nghiệp tạo thu nhập cao cho nông dân; ngăn ngừa và kiểm soát dịch bệnh, kiểm soát môi trường chăn nuôi.

Đầu tư, quản lý, khai thác tốt các công trình thủy lợi; có giải pháp đồng bộ chủ động phòng chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai. Quản lý, khai thác có hiệu quả diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản; phát triển các loại thủy sản phù hợp điều kiện địa phương. Thực hiện tốt công tác cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn. Phát triển hệ thống dịch vụ, kỹ thuật nông, lâm nghiệp.

Tăng cường củng cố các thành phần kinh tế và ngành nghề ở nông thôn, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, hộ gia đình và kinh tế trang trại. Thực hiện tốt công tác thông tin dự báo thị trường, xúc tiến thương mại, tìm kiếm quảng bá sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm nông, lâm nghiệp.

b. Công nghiệp, xây dựng, tiểu thủ công nghiệp

Khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển công nghiệp - xây dựng; quản lý tốt các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; khuyến khích phát triển các cơ sở chế biến, các nghề truyền thống; khuyến khích áp dụng công nghệ sản xuất gạch không nung vào địa bàn. Thu hút các nguồn vốn đầu tư phát triển mạnh kết cấu hạ tầng và phát triển thủy điện nhỏ, phấn đấu có ít nhất một nhà máy thủy điện công suất 6-8MW đi vào hoạt động.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở công nghiệp hiện có như (đồ gỗ mỹ nghệ, khai thác vật liệu xây dựng...); vận động phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thủ công mỹ nghệ, thủy sản,....., các nghề thủ công truyền thống như rèn, mây tre đan, nghề mộc.

c. Thương mại, dịch vụ

Phát triển thương mại, dịch vụ đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của Nhân dân; khuyến khích lưu thông hàng hóa tại các cửa khẩu, lối mở, chợ đầu mối, đề nghị mở cửa khẩu phụ tại Nà Bùng và Nậm Đích. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, giới thiệu hàng hóa, sản phẩm của huyện như hàng đồ gỗ, dao kéo, gạo, ngô, khoai, sắn, chít, ..., hàng năm tổ chức các hội chợ "đưa hàng Việt về nông thôn"...

Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, khuyến khích sử dụng hàng hoá sản xuất trong nước. Tăng cường công tác quản lý thị trường, thực hiện tốt kiểm tra, kiểm soát, phòng, chống và xử lý nghiêm các hành vi gian lận thương mại.

Tiếp tục phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ vận tải, dịch vụ bưu chính - viễn thông nhằm đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân.

d. Tài chính, tiền tệ

Thực hiện tốt các chính sách thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, nhằm phát triển, nuôi dưỡng nguồn thu ổn định. Khai thác, quản lý tốt các nguồn lực từ tài nguyên, đất đai. Tăng cường huy động nguồn lực đầu tư phát triển; phân bổ, giao dự toán và sử dụng ngân sách nhà nước hàng năm đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả, không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, thất thoát.

Phát triển thị trường tài chính, ngân hàng và dần nâng cao chất lượng dịch vụ; thực hiện tốt các chính sách tín dụng ưu đãi cho các đối tượng trên địa bàn theo đúng quy định góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2.2. Tập trung rà soát, điều chỉnh quy hoạch; huy động mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội

Tăng cường công tác xây dựng và quản lý quy hoạch. Tập trung vốn đầu tư từ các chương trình, đề án để phát triển hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, trường

lớp học, trạm y tế, trụ sở, chợ đầu mối, nhà văn hóa xã, bản, công trình cấp nước sinh hoạt. Phần đầu có trên 90% số bản có đường ô tô đến bản, 95% số hộ được sử dụng điện, xây dựng mới trụ sở, nhà văn hóa, trạm y tế cho các xã chưa được đầu tư, 100% phòng học kiên cố hoặc bán kiên cố (3 cúng), không còn phòng học tạm.

2.3. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế; phát triển các thành phần kinh tế

a. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành

Tập trung nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tăng dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng, thương mại - dịch vụ; giảm dần tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản.

Trong lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp: Chú trọng chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, thâm canh, mở rộng diện tích trồng lúa 2 vụ, ứng dụng khoa học kỹ thuật, thay đổi tập quán sản xuất,...tạo sự thay đổi toàn diện trong sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng tập trung phát triển các ngành và sản phẩm có lợi thế, tăng năng suất, hiệu quả và tăng giá trị sản xuất toàn ngành, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 8%.

Phát triển thương mại - dịch vụ theo hướng đa dạng và nâng cao chất lượng hoạt động với nhiều thành phần kinh tế tham gia đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân. Phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội trên địa bàn huyện tăng bình quân hàng năm trên 12%.

Trong lĩnh vực công nghiệp xây dựng, thu hút các nguồn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và đầu tư cho công nghiệp địa phương để tạo tăng trưởng mạnh trong lĩnh vực này; trong đó, tạo điều kiện cho công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng của địa phương phát triển, kêu gọi đầu tư phát triển thủy điện trên các suối Nậm Chim, Nậm Pồ, Nậm Chà, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư trên địa bàn.

b. Hình thành và phát triển kinh tế vùng

Tiếp tục quy hoạch và phát triển kinh tế theo vùng, phù hợp với điều kiện tự nhiên, khí hậu, thổ nhưỡng; huyện Nậm Pồ, quy hoạch thành 03 vùng kinh tế:

- Vùng 1: Gồm các xã Si Pa Phìn - Phìn Hồ (vùng có khí hậu khắc nghiệt), phát triển chăn nuôi đại gia súc, trồng rừng sản xuất, trồng rừng phòng hộ, khoanh nuôi tái sinh.

- Vùng 2: Gồm các xã Chà Nưa - Chà Cang - Chà Tở - Nậm Khăn - Pa Tần - Nà Khoa - Nà Hỳ (vùng kinh tế động lực): Sản xuất lúa nước 2 vụ, khoanh nuôi bảo vệ rừng; trồng cây công nghiệp dài ngày; trồng cây mắc ca; phát triển thương mại, dịch vụ và công nghiệp chế biến, phát triển thủy điện.

- Vùng 3: Gồm các xã Na Cô Sa - Nậm Nhừ - Nậm Tin - Nậm Chua - Vàng Đán - Nà Búng: Trồng cây công nghiệp dài ngày, ngắn ngày, trồng rừng phòng hộ, sản xuất lúa nương, trồng cây mắc ca.

c. Phát triển các thành phần kinh tế

Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vào đầu tư kinh doanh trên địa bàn; các tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng những thành quả công nghệ mới vào sản xuất; hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã, kinh tế trang trại, kinh tế tư nhân phát triển và tạo ra các sản phẩm thế mạnh, có tính chất đặc thù của huyện.

2.4. Giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, các chính sách xã hội

Tăng cường chỉ đạo thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới; nâng cao hiệu quả các chương trình dự án, nhất là các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cho hộ nghèo để giảm nghèo vững chắc, mỗi năm giảm 4% tỷ lệ hộ nghèo để đạt mục tiêu số hộ nghèo còn khoảng 50% vào năm 2020.

Thực hiện đổi tên Trung tâm dạy nghề thành Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; bổ sung biên chế, kiện toàn tổ chức và hoạt động của Trung tâm giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đẩy mạnh công tác giải quyết việc làm thông qua xuất khẩu lao động và hỗ trợ chính sách cho lao động đi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp ngoài tỉnh nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội; chính sách bảo vệ, chăm sóc trẻ em; thực hiện tốt các chế độ đối với đối tượng chính sách người có công và bảo trợ xã hội.

2.5. Giáo dục - Đào tạo

Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện hệ thống giáo dục, quản lý giáo dục, đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất giáo dục, xã hội hóa giáo dục theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Quan tâm bảo đảm và nâng cao các điều kiện hỗ trợ việc dạy tốt, học tốt, quản lý tốt, tăng cường thực hành; xây dựng cơ cấu và phương thức giáo dục hợp lý, gắn với xây dựng xã hội học tập; tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho huyện.

Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng, đoàn thể trong các trường học trên địa bàn. 100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định; tỷ lệ đảng viên trong các trường học đạt 38% trở lên, 100% trường học có chi bộ đảng độc lập. Tỷ lệ huy động trẻ 0-2 tuổi đạt 35,2%; trẻ 3-5 tuổi đạt 97,4%, riêng trẻ 5 tuổi đạt 99,9%; học sinh 6-10 tuổi học tiểu học đạt 99,9%; học sinh 11-14 tuổi học trung học cơ sở đạt 95,0%; huy động học sinh 15-18 tuổi học trung học phổ thông và tương đương 70%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%; tốt nghiệp trung học cơ sở đạt 100%; tốt nghiệp trung học phổ thông đạt 95%. Tỷ lệ phòng học được kiên cố hóa đạt 65%, số còn lại nhà 3 cứng khung sắt; phòng công vụ, phòng nội trú và các công trình phụ trợ khác được kiên cố hóa đạt 70%.

Tăng dần tỷ lệ lao động qua đào tạo so với tổng số lao động làm việc trong nền kinh tế quốc dân đạt trên 39,03%, trong đó đào tạo nghề 17%, các cấp trình độ khác 22,03%.

2.6. Y tế, Dân số và Kế hoạch hóa gia đình

Phát triển sự nghiệp y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân đảm bảo cho mọi người dân đều được hưởng các chính sách ưu đãi của nhà nước, được tiếp cận các loại hình dịch vụ y tế, dân số có chất lượng. Thực hiện tốt các mục tiêu y tế quốc gia, chiến lược quốc gia bảo vệ và chăm sóc sức khỏe Nhân dân giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao chất lượng đội ngũ thầy thuốc, kêu gọi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế toàn ngành y tế, dân số đồng bộ, phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhân dân và thực hiện tiêu chí nông thôn mới về y tế.

Phân đầu đến năm 2020 có 6,9 bác sỹ/vạn dân, 0,2 dược sỹ đại học/vạn dân; trên 90% trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin; tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi theo cân nặng dưới 20%, theo chiều cao dưới 30%; tỷ lệ giường bệnh đạt 22,5 giường bệnh quốc lập/vạn dân; 70% số xã có bác sỹ hoạt động; 95% số bản có nhân viên y tế bản và 25% số bản có cô đỡ thôn bản hoạt động.

Phát triển các loại hình BHYT, nhất là BHYT cho người nghèo, người cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi, các đối tượng chính sách, tiến tới BHYT toàn dân. Tăng cường công tác truyền thông DS-KHHGD.

2.7. Văn hóa, Thể thao - Truyền thanh và Truyền hình

Tăng cường các hoạt động văn hóa - thông tin cơ sở, xây dựng phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao sôi nổi ở cơ sở, có chất lượng tốt. Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Đa dạng hóa các hình thức, nội dung tuyên truyền vận động cho phù hợp với từng địa bàn, từng dân tộc, đồng thời nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

Tổ chức các giải thể thao, các cuộc hội diễn cụm và cấp huyện nhằm động viên, khích lệ phong trào ở cơ sở, phục dựng một số Lễ hội truyền thống có giá trị giáo dục của các dân tộc. Tập trung đầu tư phát triển các môn thể thao có thế mạnh và dân tộc truyền thống. Tăng cường hướng dẫn cơ sở thành lập các CLB thể dục thể thao nhằm từng bước thực hiện công tác xã hội hóa.

Tăng cường hoạt động QLNN về thông tin và truyền thông; mở rộng vùng phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng nội dung chương trình phát thanh- truyền hình của huyện, phát triển các đài truyền thanh xã, đảm bảo tiếp, phát lại các chương trình theo quy định. Quản lý chặt chẽ đối với các hoạt động biểu diễn nghệ thuật; lễ hội; kinh doanh văn hóa phẩm, quảng cáo; Karaoke, dịch vụ Internet, game online; hoạt động xuất bản, phát hành.

2.8. Khoa học, Công nghệ - Tài nguyên và Môi trường

Khuyến khích các nhà khoa học, các tổ chức, cá nhân nghiên cứu và tiến hành chuyển giao khoa học, công nghệ trên địa bàn huyện, nhất là việc nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao giống cây, con có năng suất cao, chất lượng tốt phù hợp điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu và sự phát triển kinh tế trên địa bàn huyện.

Tăng cường hiệu quả công tác quản lý đất đai ở cấp xã, chỉ đạo tốt công tác giao đất, thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng trên địa bàn huyện. Chỉ đạo công tác kiểm tra, quản lý Nhà nước về các hoạt động khoáng sản, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong hoạt động khoáng sản trên địa bàn. Thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia, gắn nhiệm vụ bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, đơn vị.

2.9. Thực hiện chính sách Dân tộc và Tôn giáo

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và các chính sách của nhà nước cho đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách về tôn giáo. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của nhà nước về dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo. Kiên quyết đấu tranh chống những hoạt động tuyên truyền đạo trái pháp luật, tuyên truyền chống phá Đảng và Nhà nước, gây mất an ninh trật tự. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các chương trình, dự án, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

2.10. Hoạt động của các cơ quan nội chính

Triển khai thực hiện tốt chủ trương về cải cách tư pháp; Phối hợp chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm; điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; giải quyết các vụ việc dân sự, hành chính, kinh tế, hôn nhân - gia đình theo tinh thần cải cách tư pháp, đúng quy định của pháp luật. Phát huy hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp. Tăng cường chỉ đạo công tác tuyên truyền về hành chính tư pháp, bộ trợ tư pháp, xử lý văn bản hành chính.

Xây dựng và thực hiện tốt chương trình, kế hoạch thanh tra hằng năm, gắn với đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân.

2.11. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại

a. Quốc phòng

Tiếp tục quán triệt, thực hiện chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước về quốc phòng - an ninh. Xây dựng tiềm lực quốc phòng, ổn định quy hoạch căn cứ hậu phương cấp huyện, xây dựng thao trường huấn luyện cấp huyện, cấp xã; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh Nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân và KVPT từ huyện đến cơ sở thật vững chắc. Tăng cường quản lý Nhà nước về quốc phòng - an ninh, đảm bảo sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, giữ vững ổn định chính trị trên địa bàn huyện; thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ công tác quốc phòng, quân sự địa phương.

b. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội

Chủ động nắm, dự báo đúng tình hình, triển khai các phương án giải quyết kịp thời những vấn đề phức tạp ngay tại cơ sở; đảm bảo an ninh trật tự, không để đột xuất bất ngờ xảy ra. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các phương án, kế hoạch bảo vệ an ninh, trật tự, gắn với việc thực hiện chương trình quốc gia phòng chống tội phạm. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; chủ động tấn công

truy quét tội phạm trên địa bàn, hạn chế đến mức thấp nhất các vụ trọng án, giữ vững tỷ lệ điều tra khám phá các vụ án đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%, các vụ án ít nghiêm trọng đạt từ 85% trở lên.

c. Hoạt động đối ngoại

Đẩy mạnh và tăng cường nâng cao chất lượng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện với các huyện của tỉnh Phong Sa Lý nước CHDCND Lào. Tăng cường phối hợp với các ngành của tỉnh để hợp tác với các nước, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ, nhằm thu hút đầu tư phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, ổn định Quốc phòng - An ninh trên địa bàn huyện.

Trên đây là Báo cáo đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020. /.

Nơi nhận:

- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- LĐ UBND huyện;
- Các ban HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- Lưu: VT, TCKH.



Nguyễn Văn Thái

PHỤ BIỂU CHI TIẾT THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 2016-2020
(Kèm theo Báo cáo số: 411 /BC-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của UBND huyện Nậm Pồ)

ST T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết 09/2016/N Q-HĐND huyện	Ước thực hiện đến hết năm 2018	So sánh thực hiện với Nghị quyết (%)	Đánh giá so với mục tiêu	Dự ước năm 2020
I	Mục tiêu 1						
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất	%/năm	8-10	10,78	100,00	Đạt	8-10
	Trong đó:						
	Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản	%	8-10	9,68	100,00	Đạt	8-10
	Công nghiệp - xây dựng	%	6-8	12,6	157,50	Đạt	10-12
	Dịch vụ	%	10-12	11,3	100,00	Đạt	10-12
2	Cơ cấu kinh tế	%	100	100			100
	Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản	%	50	50,48	100,96	Chưa đạt	49,26
	Công nghiệp - xây dựng	%	26,5	24,18	91,25	Chưa đạt	26,50
	Dịch vụ	%	23,5	25,34	107,83	Đạt	24,24
II	Mục tiêu 2						
	Nông - Lâm nghiệp và Thủy sản						
	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	19.926,4	19.005,45	95,38	Chưa đạt	19.926,40
	Trong đó:						
	Lúa ruộng	Tấn	9.215,0	9.629,39	104,50	Đạt	10.950,00
	Lúa nương	Tấn	7.114,4	6.573,61	92,40	Chưa đạt	7.114,40
	Lương thực BQ đầu người	Kg/người/năm	374,0	363,27	97,13	Chưa đạt	374,2
	Tốc độ phát triển đàn gia súc	%/năm	4	7,45	186,25	Đạt	7
	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Ha	103	120,55	117,04	Đạt	135
III	Mục tiêu số 3						
	Tỷ lệ che phủ rừng	%	37,5	39,55	105,47	Đạt	40
IV	Mục tiêu 4						
	Tổng mức đầu tư toàn xã hội 5 năm	Tỷ đồng	3.500	1.925	55,00	Chưa đạt	3.500
	Thu ngân sách trên địa bàn bình quân	Tỷ đồng/năm	4,5	5,6	124,44	Đạt	7
V	Mục tiêu 5						
	Xây dựng nông thôn mới						
	Xã đạt nhóm hoàn thành từ 17 – 19 tiêu chí	Xã	3	1	33,33	Chưa đạt	3
	Xã đạt nhóm hoàn thành từ 13 – 16 tiêu chí	Xã	7	0	0,00	Chưa đạt	7
	Xã đạt nhóm hoàn thành từ 10 – 12 tiêu chí	Xã	2	0	0,00	Chưa đạt	2
	Xã đạt nhóm hoàn thành từ 5 – 9 tiêu chí	Xã	3	14	466,67	Chưa đạt	3
VI	Mục tiêu 6						



ST T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết 09/2016/N Q-HĐND huyện	Ước thực hiện đến hết năm 2018	So sánh thực hiện với Nghị quyết (%)	Đánh giá so với mục tiêu	Dự ước năm 2020
	Đào tạo nghề/năm	Lao động	Trên 500	340	68,00	Chưa đạt	500
	Tỷ lệ lao động được đào tạo	%	39,03	18,41	47,17	Chưa đạt	39,03
	Tạo việc làm mới	Lao động/năm	450	450	100,00	Đạt	450
	Tổ chức cai nghiện tại cơ sở tỉnh và huyện	Người/năm	80	84	105,00	Đạt	80
VII	Mục tiêu 7						
	Trường đạt chuẩn quốc gia	%	60	50	83,33	Chưa đạt	62,5
	Đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 2	Xã	15	9	60,00	Chưa đạt	15
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn về xóa mù chữ mức độ 2	%	93,3	60,0	64,29	Chưa đạt	93,3
	Duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	%	100	100	100,00	Đạt	100
	Đạt chuẩn về PCGD tiểu học và PCGD THCS	%	100	100	100,00	Đạt	100
VII	Mục tiêu 8						
	Tỷ lệ xã đạt chuẩn Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế	%	70	46,67	66,67	Chưa đạt	70,00
	Dân số trung bình	Người	54.000	52.317	96,88	Đạt	54.570
	Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên	%/năm	2,3	1,03	44,78	Đạt	2,3
VIII	Mục tiêu 9						
	Tỷ lệ số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa	%	50	40	80,00	Chưa đạt	50
	Tỷ lệ bản đạt tiêu chuẩn bản văn hóa	%	47	28,79	61,26	Chưa đạt	47
	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn cơ quan, đơn vị văn hóa	%	87	73	83,91	Chưa đạt	87
	Số bản có nơi sinh hoạt cộng đồng	bản	42/131	25/132	59,52	Chưa đạt	42/132
	Xã có nhà văn hóa xã	xã	15	9	60,00	Chưa đạt	15
	Dân số được xem truyền hình	%	70	72,9	104,14	Đạt	73
	Dân số được nghe Đài Tiếng nói Việt nam	%	85	70,6	83,06	Chưa đạt	85
X	Mục tiêu 10						
	Tỷ lệ hộ nghèo	%	30,5 (tiêu chí cũ)	59 (tiêu chí mới)		Chưa đạt	50
XI	Mục tiêu 11						
	Đường ô tô đến trung tâm xã đi được quanh năm	%	100	80	80,00	Chưa đạt	100
	Số xã được sự dụng điện lưới quốc gia, có cáp quang, đường truyền internet đến trung tâm xã	%	100	100	100,00	Chưa đạt	100
	Số hộ gia đình được dùng điện lưới quốc gia	%	Trên 95%	72,8	76,63	Chưa đạt	95

ST T	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Nghị quyết 09/2016/N Q-HĐND huyện	Ước thực hiện đến hết năm 2018	So sánh thực hiện với Nghị quyết (%)	Đánh giá so với mục tiêu	Dự ước năm 2020
	Tỷ lệ cán bộ, nhân dân được dùng nước sạch hợp vệ sinh	%	85	78,1	91,88	Chưa đạt	85
XII	Mục tiêu 12						
	Giữ vững ổn định chính trị, chủ quyền biên giới Quốc gia; đảm bảo quốc, an ninh, tăng cường khối đoàn kết các dân tộc; kiểm chế đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội; duy trì phát triển công tác đối ngoại		đạt	đạt	đạt	Đạt	đạt
XIII	Mục tiêu 13						
1	Cán bộ, công chức từ phó, trưởng phòng trở lên						
-	Có trình độ đại học	%	100	93,02	93,02	Chưa đạt	100
-	Được đào tạo lý luận chính trị, bồi dưỡng về quản lý Nhà nước trở lên	%	100	97,67	97,67	Chưa đạt	100
2	Cán bộ, công chức cấp xã						
	Trong đó:						
-	Có trình độ văn hóa từ trung học cơ sở trở lên	%	100	97,67	97,67	Chưa đạt	100
	Trong đó:						
+	Có trình độ văn hóa THPT	%	70	58,76	83,94	Chưa đạt	70
-	Có trình độ trung cấp chuyên môn	%	80	85,76	107,20	Đạt	90
	Trong đó:						
+	Có trình độ đại học	%	30	22,97	76,57	Chưa đạt	45
+	Được đào tạo trình độ trung cấp lý luận chính trị	%	90	36,92	41,02	Chưa đạt	90



[Handwritten signature]